ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số:722 /QĐ-UBND	*Lạng Sơn, ngày 15 tháng 5 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật Dự án đầu tư xây dựng, cải tạo Trạm y tế tuyến xã trên địa bàn huyện Đình Lập

CHỦ TỊCH UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 29/8/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng, cải tạo 50 Trạm y tế tuyến xã, tỉnh Lạng Sơn;

Căn cứ Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 19/4/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng, cải tạo 50 Trạm y tế tuyến xã, tỉnh Lạng Sơn;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 58/TTr-SXD ngày 10/5/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật Dự án đầu tư xây dựng, cải tạo Trạm y tế tuyến xã trên địa bàn huyện Đình Lập như sau:

1. Tên công trình: Dự án đầu tư xây dựng, cải tạo Trạm y tế tuyến xã trên địa bàn huyện Đình Lập.

2. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn.

3. Chủ đầu tư: UBND huyện Đình Lập.

4. Mục tiêu đầu tư: đầu tư xây dựng các Trạm y tế nhằm đảm bảo cơ sở

vật chất đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh cho Nhân dân trong khu vực thị trấn Đình Lập và thị trấn Nông trường Thái Bình, huyện Đình Lập.

5. Quy mô đầu tư xây dựng

a) Trạm y tế thị trấn Đình Lập

- Cải tạo nhà làm việc cao 02 tầng, diện tích xây dựng 124,6m^2, diện tích sàn 242,7 m^2.

- Các hạng mục phụ trợ: mái tôn khu vực tiêm chủng diện tích 85m^2, sân lát gạch đất nung 100m^2.

b) Trạm y tế thị trấn Nông trường Thái Bình

- Cải tạo nhà trạm hiện có: nhà 01 tầng, diện tích xây dựng 308m^2.

- Xây mới nhà 6 phòng chức năng, cao 02 tầng, diện tích xây dựng 131,4m^2, diện tích sàn 262,8m^2.

- Các hạng mục phụ trợ gồm:

+ Nhà vệ sinh cao 01 tầng, diện tích xây dựng 22m^2;

+ Nhà để xe diện tích xây dựng 36m^2;

+ Đường lên trạm, đường bê tông xi măng dài 6,5m rộng 5m và kè chân taluy 36m; rãnh qua đường 11m.

+ San nền 1.430m^2.

+ Sân lát gạch terrazzo 815m^2;

+ Đường dốc, bậc thang lên xuống giữa 2 sân

+ Kè chắn đất 108,5m, lan can kè dài 25,1m;

+ Bể nước 5m^3; rãnh thoát nước 56m; tường rào 71,3m.

6. Tổ chức tư vấn khảo sát, lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật: Trung tâm Giám định chất lượng và Quy hoạch xây dựng *(địa chỉ: đường Nhị Thanh, phường Tam Thanh, thành phố Lạng Sơn, Tỉnh Lạng Sơn).*

7. Địa điểm xây dựng: trong khuôn viên khu đất Trạm y tế thị trấn Đình Lập và Trạm y tế thị trấn Nông trường Thái Bình, huyện Đình Lập.

8. Diện tích sử dụng đất:

- Trạm y tế thị trấn Đình Lập: 258m^2.

- Trạm y tế thị trấn Nông trường Thái Bình: 3.030m^2.

9. Nhóm dự án, loại, cấp công trình thuộc dự án: nhóm C, loại công trình dân dụng, cấp III.

10. Số bước thiết kế: 01 bước.

11. Danh mục quy chuẩn, tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng

- QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng;

- QCVN 06/2021/TT-BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia quy định về

phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng;

- QCXDVN 05: 2008/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà ở và công trình công cộng - An toàn sinh mạng và sức khỏe;

- QCVN 06:2022/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về An toàn cháy cho nhà và công trình;

- QCVN 10:2014/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xây dựng công trình đảm bảo người khuyết tật tiếp cận sử dụng.

- QCVN 14:2008/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải

- TCVN 7022:2002 Trạm y tế cơ sở - Yêu cầu thiết kế.

- TCVN 5574:2018 Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép - Tiêu chuẩn thiết kế.

- TCVN 5573:2011 Kết cấu gạch đá và gạch đá cốt thép - Tiêu chuẩn thiết kế.

- TCVN 5575:2012 Kết cấu thép - Tiêu chuẩn thiết kế.

- TCVN 2737:2020 Tải trọng và tác động - Tiêu chuẩn thiết kế.

- TCVN 9207:2012 Đường dây dẫn điện trong nhà ở và công trình công cộng - Tiêu chuẩn thiết kế.

- TCVN 9206:2012 Đặt thiết bị điện trong nhà ở và công trình công cộng - Tiêu chuẩn thiết kế.

- TCVN 7114:2008 Chiếu sáng cho hệ thống làm việc trong nhà - Tiêu chuẩn thiết kế.

- TCVN 9385:2012 Chống sét cho công trình xây dựng - Hướng dẫn thiết kế.

- TCVN 2622:1995 Phòng cháy, chống cháy cho nhà và công trình - Yêu cầu thiết kế;

- TCVN 4513:1998: Cấp thoát nước trong nhà - Tiêu chuẩn thiết kế

- TCVN 5575:2012 Kết cấu thép - Tiêu chuẩn thiết kế.

12. Các giải pháp thiết kế chủ yếu

12.1. Trạm y tế thị trấn Đình Lập

12.1.1. Tổng mặt bằng xây dựng

Khu đất của Trạm y tế thị trấn Đình Lập, diện tích 258m^2, bố trí các công trình như sau:

- Công trình nhà làm việc hiện trạng (thực hiện cải tạo) tại trung tâm khu đất.

- Các hạng mục phụ trợ: xây dựng mái tôn (sử dụng cho khu vực tiêm chủng) trước nhà làm việc hiện trạng; xây dựng sân trước nhà làm việc.

Các chỉ tiêu quy hoạch chính đạt được như sau: mật độ xây dựng 50%; hệ số sử dụng đất 1,05 lần; số tầng cao 02 tầng.

12.1.2. Giải pháp thiết kế các hạng mục công trình

a) Công trình nhà làm việc hiện trạng.

Công trình có mặt bằng hình chữ nhật, kích thước theo tim tường (10,8x10,5)m, cao 02 tầng, mái dốc lợp tôn. Tiến hành cải tạo công trình gồm các công việc sau:

- Cạo bỏ lớp sơn cũ tường trong và ngoài nhà. Sơn lại tường trong và ngoài nhà sơn 1 nước lót, 2 nước phủ, diện tích 668,6m^2.

- Phá dỡ gạch lát nền các phòng và hành lang. Lát mới bằng gạch ceramic kích thước (600x600)mm, diện tích 159,72m^2.

- Phá dỡ gạch lát nền phòng vệ sinh. Lát mới bằng gạch chống trơn kích thước (300x300)mm, diện tích 16m^2.

- Ốp tường các phòng bằng gạch ceramic kích thước (300x450)mm cao 1,8m.

- Làm mới trần nhà vệ sinh bằng tấm nhựa thả (600x600)mm diện tích 16,7m^2.

- Tháo dỡ toàn bộ cửa đi 09 bộ, cửa sổ 18 bộ. Cạo bỏ vôi, sơn cũ trên bề mặt gỗ, sơn kết cấu gỗ bằng sơn tổng hợp 01 nước lót, 02 nước phủ gồm 01 bộ cửa đi D1 kích thước (2,5x2,9)m, 07 bộ cửa đi D2 kích thước (2,4x0,88)m, 01 bộ cửa đi D3 kích thước (2,9x1,3)m và 18 cửa sổ kích thước (1,29x1,6)m.

- Cạo bỏ vệ sinh lại 18 hoa sắt cửa sổ, lan can cầu thang sau đó sơn lại toàn bộ bằng sơn tổng hợp 01 nước lót, 02 nước phủ.

- Bổ sung vách ngăn phòng làm việc trục 3:(B-D) bằng tấm thạch cao dày 12mm, bổ sung cửa đi D4 kích thước (2,4x0,88)m, sử dụng nhôm hệ Việt - Pháp.

- Phá dỡ và xây mới bậc tam cấp và đường dốc lên sảnh.

- Thay mới thiết bị điện, thiết bị vệ sinh gồm 8 quạt trần, 8 đèn đui D27 40W, đèn led ốp trần D200 18W, 02 bộ chậu rửa 1 vòi, 04 xí bệt, 02 bình tắm nóng lạnh.

b) Các hạng mục phụ trợ:

- Mái tôn (sử dụng cho khu vực tiêm chủng) trước nhà làm việc hiện trạng.

+ Mái tôn tại các khoảng cách trục từ 1-2 và trục từ 3-4: mặt bằng hình chữ nhật kích thước (2,2x3,69)m. Mái dốc một phía (bán mái), lợp tôn dày 0,4mm trên xà gồ thép hộp tiết diện (30x60)mm, dày 1,1mm. Đỡ mái bằng bán kèo thép, sử dụng thép hộp tiết diện (40x80)mm, dày 1,4mm; chiều cao bán kèo 0,4m; chiều dài bán kèo 1,9m.

+ Mái tôn phía trước, cách công trình hiện trạng 1,9m. Mặt bằng hình chữ nhật kích thước (16,6x6,1)m; Mái dốc một phía (bán mái), lợp tôn dày 0,4mm trên xà gồ thép hộp tiết diện (30x60)mm, dày 1,1mm. Kết cấu đỡ mái bằng bán kèo thép, sử dụng thép hộp tiết diện (40x80)mm, dày 1,4mm; chiều cao bán kèo 0,6m; chiều dài bán kèo 6,0m. Sử dụng móng đơn bằng bê tông cốt thép mác 200, kích thước (0,4x0,4)m sâu 0,5m so với mặt sân; cột đỡ mái bằng thép d=90, dày 2,0mm được chôn sâu trong móng 0,3m.

+ Thiết kế thoát nước: nước mưa từ trên mái thoát ra sân theo độ dốc mái.

- Sân lát bằng gạch đất nung. Kết cấu từ trên xuống dưới, gồm: gạch đất nung kích thước (400x400)mm; lớp vữa xi măng mác 75, dày 20mm; lớp đất nền.

12.2. Trạm y tế thị trấn Nông Trường Thái Bình

12.2.1. Tổng mặt bằng xây dựng

Khu đất của thị trấn Nông Trường Thái Bình, diện tích 3.030m^2, bố trí các công trình như sau:

- Công trình cải tạo (nhà Trạm y tế cũ) tại phía Tây Bắc khu đất.

- Công trình xây dựng mới (nhà 06 phòng chức năng, cao 2 tầng), được bố trí phía Đông Nam của khu đất, mặt đứng chính hướng Tây Nam.

- Các hạng mục phụ trợ gồm:

+ Nhà vệ sinh cao 01 tầng, bố trí phía Đông Nam của khu đất, mặt đứng chính hướng Tây Bắc.

+ Nhà để xe bố trí phía Đông Nam của khu đất, mặt đứng chính hướng Tây Bắc.

+ Đường dốc, xây dựng giữa của khu đất.

+ Đường bậc thang lên, xuống giữa cốt mặt 2 sân, xây dựng giữa khu đất.

+ Kè chắn đất dài 108,5m, lan can đỉnh kè dài 25,1m xây dựng ở giữa của khu đất.

+ Sân lát gạch terazzo 815m2 phía trước nhà 06 phòng chức năng, vị trí phía Đông Nam khu đất.

+ Bể chứa nước 5m^3 bố trí phía Đông Nam của khu đất.

+ Rãnh thoát nước: phía sau và bên cạnh nhà 6 phòng chức năng dài 56m; rãnh qua đường dốc lên trạm dài 11m.

+ Tường rào dài 71,35m xây dựng trên ranh giới phía Tây Nam khu đất.

+ Đường lên trạm, xây dựng phía Tây Nam khu đất, giáp với đường Quốc lộ 31.

Các chỉ tiêu quy hoạch chính đạt được như sau: mật độ xây dựng 16%; hệ số sử dụng đất 0,2 lần; số tầng cao 02 tầng.

12.2.2. Giải pháp thiết kế các hạng mục công trình

a) San nền phần diện tích góc phái Đông Nam, diện tích 1.430m2, trong đó: diện tích đào 1.430m2. Cao độ san nền thiết kế +142.0m; độ dốc san nền i=1%. Phần đất thừa sẽ được vận chuyển đi đổ khoảng cách công trình là 02km.

b) Công trình cải tạo (nhà Trạm y tế cũ)

Công trình có mặt bằng nhà hình chữ nhật kích thước theo tim tường (41,35x9,3)m, cao 01 tầng, mái dốc lợp tôn. Tiến hành cải tạo nhà hiện trạng gồm các công việc sau:

- Phá dỡ lớp vữa trát chân tường ngoài, chiều cao 0,85m, phá dỡ lớp vữa trát láng sê nô mái, trát lại bằng vữa xi măng cát mác 75, dày 15mm, diện tích

176,8m^2, cạo bỏ lớp sơn cũ tường trong và ngoài nhà. Sơn lại tường trong và ngoài nhà sơn 01 nước lót, 02 nước phủ, diện tích 1.411,4m^2.

- Tháo dỡ toàn bộ cửa đi 19 bộ, cửa sổ 17 bộ. Cạo bỏ vôi, sơn cũ trên bề mặt gỗ, sơn kết cấu gỗ bằng sơn các loại 01 nước lót, 02 nước phủ gồm 04 bộ cửa đi D1 kích thước (1,5x2,2)m, 05 bộ cửa đi D2 kích thước (2,2x1,22)m, 06 bộ cửa đi D3 kích thước (2,2x0,92)m, 04 bộ cửa đi D4 kích thước (2,2x0,72)m và 12 cửa sổ S1 kích thước (1,22x1,35)m, 05 cửa sổ S1 kích thước (0,92x1,35)m.

- Cạo bỏ vệ sinh lại 17 hoa sắt cửa sổ, sau đó sơn lại toàn bộ.

- Thay mới thiết bị điện gồm 13 quạt trần, 7 công tắc 01 hạt, 13 công tắc 2 hạt, 40 ổ cắm đôi, 12 đèn led 1,2m 18W, đèn led ốp trần D200 18W, 03 bộ chậu rửa 1 vòi, 01 chậu rửa inox.

- Thay mới tôn lợp mái bằng tôn tráng kẽm dày 0,4mm diện tích 378,7m^2.

c) Công trình xây dựng mới (nhà 06 phòng chức năng)

- Thiết kế kiến trúc: mặt bằng nhà hình chữ nhật; hành lang phía trước rộng 2,4m (tính theo tim tường). Mái dốc lợp tôn dày 0,4mm.

- Thiết kế kết cấu: móng đơn bê tông cốt thép có giằng móng bằng bê tông cốt thép đá (1x2)cm, mác 200; móng và tường xây bằng gạch không nung vữa xi măng cát mác 75; hệ cột, dầm, sàn bằng bê tông cốt thép mác 200. Kết cấu đỡ mái bằng xà gồ thép dập U(100x40)mm dày 2mm đặt trên tường thu hồi.

- Thiết kế hoàn thiện: nền các phòng và hành lang lát bằng gạch ceramic kích thước (600x600)mm, tường phòng sơ cứu, phòng tiêm, phẫu thuật ốp bằng gạch ceramic kích thước (300x450)mm cao 2,7m. Tường trong và ngoài, trần nhà trát bằng vữa xi măng cát mác 75, dày 15mm; toàn bộ tường, dầm, trần trong và ngoài nhà lăn sơn 01 nước lót 02 nước phủ. Toàn bộ cửa đi, cửa sổ các phòng sử dụng cửa thép sơn tĩnh điện, kính dày 5mm.

- Thiết kế cấp điện, chiếu sáng: cấp điện cho hạng mục công trình được lấy từ cột điện ngoài nhà (điểm đấu nối cấp điện cách hạng mục công trình 100m), dùng dây dẫn CU/XLPE/PVC tiết diện (2x16)mm^2 cấp điện đến tủ điện tổng. Từ tủ điện tổng của nhà cấp điện đến tủ điện phòng. Dây dẫn cấp điện cho đèn, quạt bằng dây dẫn CU/PVC/CU tiết diện (2x1,5)mm^2; dây dẫn cấp điện cho ổ cắm bằng dây CU/PVC/CU tiết diện (2x2,5)mm^2; dây dẫn cấp tủ điện phòng dùng dây CU/PVC/CU tiết diện (2x6)mm^2. Toàn bộ dây dẫn điện đi ngầm trong tường. Chiếu sáng trong các phòng sử dụng đèn tuýp led đôi công suất 2x18w, đèn dài 1,2m. Chiếu sáng hành lang sử dụng đèn ốp trần 1x20w. Thông gió nhân tạo sử dụng quạt trần 1x80w.

- Thiết kế cấp, thoát nước:

+ Thiết kế cấp nước: nước cấp cho công trình được lấy từ hệ thống nước khu vực cấp đến bể nước xây mới 5m^2. Nước được bơm từ bể nước lên téc chứa nước đặt trên sàn mái (01 téc nước, dung tích chứa nước là 1m^3) bằng máy bơm (công suất Q=3,6m^3/h, H=15m). Nước cấp xuống các thiết bị dùng nước bằng

ống nhựa PP-R, đường kính d=32mm, d=20mm.

+ Thiết kế thoát nước: nước từ xí, tiểu theo đường ống PVC d=110mm thoát vào bể tự hoại. Từ bể tự hoại thoát ra bể tự ngấm. Nước sàn phòng vệ sinh thoát ra rãnh thoát nước. Nước từ chậu rửa của các phòng nghiệp vụ được thoát ra bể tự ngấm. Nước mưa từ mái thoát xuống sân bằng đường ống PVC d=90mm sau đó thoát ra rãnh thoát nước.

- Thiết kế phòng cháy, chữa cháy: bố trí 01 tủ chứa bình chữa cháy bằng kim loại đặt tại trục 3 (đoạn từ trục B-C); kích thước tủ (550x800x180)mm, tủ chứa 04 bình bột MFZ4 và ABC (4kg); biển nội quy, tiêu lệnh chữa cháy được thiết kế đồng bộ.

d) Các hạng mục phụ trợ:

- Nhà vệ sinh: mặt bằng hình chữ nhật, kích thước (4,0x5,0)m. Chiều cao tôn nền 0,2m so với mặt sân; chiều cao nhà 3,4m từ nền sân lên đến đỉnh mái; mái bằng bê tông cốt thép mác 200 dày 0,1m. Móng, tường xây bằng gạch không nung vữa xi măng cát mác 50.

- Nhà để xe: mặt bằng hình chữ nhật, kích thước (12x3,3)m. Chiều cao tôn nền 150mm so với mặt sân; chiều cao nhà 2,85m từ nền sân lên đến đỉnh mái; mái dốc lợp tôn dày 0,4mm đặt trên hệ xà gồ bằng thép hình U(100x40x2)mm gác lên thanh kèo thép 2V(50x5)mm, cột đỡ mái bằng thép ống d=110mm dày 4mm. Móng cột bằng bê tông xi măng mác 200, kích thước (0,8x0,8)m sâu 0,9m so với mặt sân; nền nhà để xe bằng bê tông xi măng mác 200, dày 120mm.

- Đường dốc (từ cốt +142.0m lên +146.0m), các lớp kết cấu từ trên xuống như sau: mặt đường bê tông mác 200 dày 15cm, rộng mặt đường 3,0m; ni lon chống thấm; cát đen đầm chặt dày 5cm; nền đất tự nhiên.

- Đường bậc lên, xuống giữa 2 cốt mặt sân: xây bậc bằng gạch bê tông không nung, vữa xi măng cát mác 75. Chiều rộng lối đi 1,8m; mặt bậc rộng 0,3m và cao 0,15m. Cứ 9 bậc bố trí 01 chiếu nghỉ rộng 1,2m. Mặt bậc, cổ bậc được láng trát vữa xi măng mác 75 dầy 20mm, cao độ nền sân dưới chân dốc là +142,00; cao độ chiếu nghỉ 1 là +143,35; cao độ chiếu nghỉ 2 là +144,7mm; cao độ chiếu nghỉ 3 là +146,0mm. Kết cấu lối đi từ trên xuống dưới gồm: láng trát vữa xi măng mác 75 dầy 20mm; lớp gạch bê tông không nung xây bằng vữa xi măng cát mác 75; lớp bê tông xi măng mác 150, nilon chống thấm.

- Xây mới rãnh thoát nước:

+ Rãnh thoát nước quanh nhà 06 phòng chức năng: rãnh hở có thước trong lòng (0,3x0,25)m thành xây bằng gạch không nung vữa xi măng cát mác 75, đáy bằng bê tông xi măng mác 150 dày 0,1m.

+ Rãnh thoát nước qua đường dốc lên trạm: rãnh có nắp đan bằng bê tông cốt thép mác 200 kích thước (1,0x1,04)m dày 0,15m, kích thước trong lòng rãnh (0,6x0,45)m thành xây bằng gạch không nung vữa xi măng cát mác 75, đáy bằng bê tông xi măng mác 150 dày 0,1m.

- Kè chắn đất, lan can bờ kè:

+ Kè chắn đất dùng bê tông xi măng mác 150. Móng kè hình chữ nhật kích thước (1,7x0,6)m; thân kè hình thang cao 2,85m, đáy kè rộng 1,2m, đỉnh kè rộng 0,45m.

+ Lan can xây dựng trên đỉnh kè, xây bằng gạch không nung vữa xi măng cát mác 50, cao 1,1m; tường dày 110mm. Trên tuyến có xây bổ trụ cao 1,3m, khoảng cách giữa các tim trụ là 2,7m. Trát tường và trụ bằng vữa xi măng cát mác 75, dày 1,5cm; toàn bộ tường và trụ lăn sơn 01 nước lót, 02 nước phủ.

- Sân: lát gạch terrazo, kết cấu từ trên xuống dưới, gồm: gạch Terrazo kích thước (400x400)mm; bê tông xi măng mác 150, dày 100mm; lớp nilon; cát tạo phẳng dày 5cm; lớp đất đầm chặt.

- Bể chứa nước: có kích thước là (1,9x3,0)m cao 1,7m đặt ngầm 0,5m. Bể được xây bằng gạch không nung, vữa xi măng mác 75. Đáy bể bằng bê tông cốt thép mác 200, nắp bể bằng bê tông cốt thép mác 200. Trong bể trát vữa xi măng cát mác 75 dày 15mm, đáy bể được láng vữa xi măng mác 75 dày 20mm.

- Đường lên trạm (vị trí cổng phía Tây Nam), gồm các lớp kết cấu từ trên xuống như sau: mặt đường bằng bê tông xi măng mác 200 dày 15cm, rộng 5,0m; ni lông chống thấm; cát đen đầm chặt dày 5cm; nền đất.

- Tường rào: xây bằng gạch không nung vữa xi măng cát mác 50 cao 1,1m; tường xây dày 110mm. Móng trường rào xây bằng gạch không nung, vữa xi măng cát mác 75; trụ tường rào xây bằng gạch không nung, vữa xi măng cát mác 50, trụ xây cao 1,3m. Khoảng cách giữa các tim trụ tường rào là 2,7m. Trát tường và trụ bằng vữa xi măng cát mác 75, dày 1,5cm; toàn bộ tường và trụ lăn sơn 01 nước lót, 02 nước phủ.

- Bể tự hoại: đặt dưới nền nhà xe, cạnh nhà vệ sinh, bể có kích thước (2,0x3,0)m cao 1,75m đặt ngầm. Bể được xây bằng gạch không nung, vữa xi măng cát mác 75. Đáy bể bằng bê tông xi măng mác 200 đá (1x2)cm và nắp bể bằng bê tông cốt thép mác 200 đá (1x2)cm. Trong bể trát vữa xi măng cát mác 75 dày 15mm, đáy bể được láng vữa xi măng mác 75 dày 20mm.

- Bể tự ngấm: xây dựng tại góc phía Nam khu đất, bể có kích thước là (0,9x0,9)m cao 1,19m đặt ngầm. Bể được xây bằng gạch không nung, vữa xi măng cát mác 75. Nắp bể bằng bê tông cốt thép mác 200. Bể có các lớp lọc từ trên xuống như sau: cát hạt thô dày 700mm; đá dăm (1x2)cm dày 110mm; đá dăm (2x4)cm dày 100mm; đất tự nhiên.

13. Dự toán xây dựng công trình: 4.646.000.000,0 đồng, trong đó:

- Chi phí xây dựng:	3.814.541.864	đồng;
- Chi phí quản lý dự án:	119.499.193	đồng;
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	399.496.680	đồng;
- Chi phí khác:	65.510.146	đồng;
- Chi phí dự phòng:	246.952.117	đồng.

14. Thời gian thực hiện dự án: năm 2022-2023.

15. Nguồn vốn đầu tư:

- Vốn ngân sách Trung ương thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội: 3.000.000.000 đồng.

- Vốn ngân sách huyện: 1.646.000.000 đồng

16. Hình thức tổ chức quản lý dự án: chủ đầu tư tự thực hiện quản lý dự án.

Điều 2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Y tế, Xây dựng; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Lạng Sơn; Chủ tịch UBND huyện Đình Lập và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 2;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ban Kinh tế - Ngân sách (HĐND tỉnh);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PVP UBND tỉnh, các phòng CM, Trung tâm Thông tin;
- Lưu: VT, KT(CVĐ).

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Dương Xuân Huyên